TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2025/DS-ST
Ngày: 19 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên
2. Ông Nguyễn Tấn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 649/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về ‘‘Tranh chấp hợp đồng vay tài sản’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Liên Tân T, sinh năm 1994; Địa chỉ: 1 N, Phường A, Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Yến T1; Địa chỉ: A L B, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy ủy quyền có số công chứng 00000429, quyển số 01/2024.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/01/2024 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lương Thị Thu H, sinh năm 1971; Địa chỉ: 2 P, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn S – sinh năm 1959; Địa chỉ: 2 (số cũ: 338/437) Phạm Văn H1, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Yến T1 là đại diện cho nguyên đơn – ông Liên Tân T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với bà Lương Thị Thu H (gọi là bị đơn) từ năm 2023 nên khi bị đơn hỏi vay tiền để hợp thức hóa căn nhà số B P, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Liên Tân T (sau đây gọi là nguyên đơn) đã đồng ý cho vay tiền 02 lần, cụ thể:

- Ngày 08/11/2023 vay số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn vay là 15 ngày.

- Ngày 23/11/2023 vay số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn vay là 15 ngày.

Cả hai lần vay đều ký hợp đồng công chứng tại Văn phòng C N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc giao nhận tiền là tiền mặt và bị đơn đều có xác nhận đã nhận đủ tiền ở hai lần vay. Hai bên có thỏa thuận miệng là tiền lãi trả hàng tháng, khi nào có tiền thì trả gốc. Bị đơn chưa đóng tiền lãi cho ông T.

Do bị đơn không thực hiện đúng việc trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn một lần số tiền gốc 4.000.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn là bà Lương Thị Thu H có bản tự khai trình bày: Vào tháng 10/2023 bà có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng/ngày, 15.000.000 đồng/tháng. Tháng 11/2023, bà có vay thêm 50.000.000 đồng và có cung cấp CCCD qua điện thoại cho nguyên đơn. Nguyên đơn đồng ý và nói phải đi kí hợp đồng công chứng ở Quận H. Khi ra công chứng, hợp đồng vay đã được nguyên đơn và Văn phòng công chứng thảo trước, bà không được biết và không đọc nội dung văn bản công chứng và không được giữ hồ sơ mà chỉ được nguyên đơn nói là ký hợp đồng vay 4.000.000.000 đồng. Bà không đồng ý thì nguyên đơn có giải thích: *"văn bản này ký cho có chứ không có hiệu lực gì về thực tế em đâu có đưa cho chị 4 tỷ, đâu có bằng chứng gì"*, rồi sau đó ông T có nói *"chị yên tâm, em sẽ làm cho chị một tờ giấy cam kết viết tay là em chỉ cho chị mượn 100 triệu thôi chứ không phải vay 4 tỷ như hợp đồng công chứng đã ký"* và có đưa cho bà một tờ giấy viết tay thể hiện bà chỉ vay 100.000.000 đồng. Nguyên đơn có đưa tiền mặt cho bà nhưng thực chất bà chỉ nhận là 85.000.000 đồng vì trừ 10% phí và đóng 5 ngày lãi. Với số tiền vay 100.000.000 đồng, mỗi ngày bà phải đóng 1.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng bà đóng 30.000.000 đồng tiền lãi một tháng. Do làm ăn khó khăn nên không còn khả năng góp lãi, bà có xin nguyên đơn khất lại thì nguyên đơn làm áp lực, hăm dọa, khủng bố tính thần

bà và con gái nhỏ của bà. Sau này bà được biết có rất nhiều người giống như hoàn cảnh như bà bị lừa vào đường dây vay 100.000.000 đồng, bắt đi công chứng vay 4.000.000.000 đồng. bản thân bà là người khó khăn, không nhà cửa, tài sản đảm bảo thì lý do gì cho bà vay 4.000.000.000 đồng. Bà yêu cầu nguyên đơn phải chứng minh sao kê tài khoản và bằng chứng đã giao cho bà số tiền 4.000.000.000 đồng. Bà xác nhận chỉ vay 100.000.000 đồng và đóng tiền lãi quá nhiều nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn S vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Do các bên đương sự không có mặt đầy đủ và phía nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản ghi nhận vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn trình bày: Vì chỗ quen biết và tin tưởng nên nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc 4.000.000.000 đồng. Về khoản tiền lãi, nguyên đơn có nhận của bị đơn 7.500.000 đồng của hợp đồng vay lần 1. Số tiền lãi này bị đơn trích giao khi nhận số tiền nguyên đơn cho vay lần thứ 2. Đến hạn thanh toán, khoảng gần cuối tháng 12/2023, do bị đơn không trả nên nguyên đơn có gọi điện yêu cầu trả tiền được 1 – 2 lần, bị đơn có hứa hẹn nhưng sau đó thì không liên lạc được nữa. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả ngay một lần số tiền vay trên. Nguyên đơn không có yêu cầu gì về các khoản tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 4.000.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Qua lời khai của

các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa các bên đã phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự; bị đơn hiện có địa chỉ cư trú tại quận T. Xét việc khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 56 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[1.2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

Do Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Võ Văn S do tồn tại quan hệ hôn nhân với bị đơn trong quá trình vay tiền của nguyên đơn. Nguyên đơn có yêu cầu đưa ông S vào tham gia tố tụng để xem xét trách nhiệm đối với số tiền nợ vay nên có thể phát sinh quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết tranh chấp do đó cần thiết đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Do bà Huỳnh Ngọc T2 là vợ của nguyên đơn, xác nhận toàn bộ số tiền trong việc vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn là tiền cá nhân của nguyên đơn, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử xét không cần thiết đưa bà T2 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền gốc 4.000.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng vay tiền có số công chứng 00011512 quyển số 01/2023.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/11/2023 và hợp đồng vay tiền có số công chứng 00011962, quyển số 01/2023.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2023 cùng tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung thỏa thuận không trái quy định của pháp luật và được công chứng, chứng thực hợp pháp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là cơ sở Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết tranh chấp giữa các bên.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 4.000.000.000 đồng theo 02 hợp đồng vay tiền trên. Bị đơn thừa nhận có ký 02 hợp đồng vay tiền, có nhận tiền mặt nhưng số tiền vay chỉ là 100.000.000 đồng và yêu cầu nguyên đơn chứng minh đã chuyển khoản tiền vay cho bị đơn. Cả nguyên đơn và bị đơn đều

thừa nhận có việc giao nhận tiền mặt. Tại mục Bên B trang 1 của 02 hợp đồng vay tiền đều có nội dung *"tôi đã nhận đủ của em T3 số tiền là 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng)"*, như vậy nguyên đơn đã chứng minh đã giao đủ cho bị đơn số tiền vay nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn hoàn trả khoản tiền đã vay khi đến hạn. Trong khi đó, bị đơn cho rằng chỉ nhận số tiền vay 100.000.000 đồng nhưng không chứng minh được. Bị đơn trình bày bà không được biết và không đọc nội dung văn bản và không được giữ hồ sơ công chứng nhưng bà thừa nhận bà có ghi, ký vào hợp đồng vay tiền và không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh mình bị lừa dối, bị đe dọa, cưỡng ép trái ý muốn. Như vậy, 02 hợp đồng vay tiền ở trên phát sinh hiệu lực nên bị đơn phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với chữ ký và chữ viết của mình trong giấy vay tiền.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự nên Tòa án đã tiến hành đối chất để làm rõ khoản tiền vay, hình thức và địa điểm giao nhận tiền vay. Tuy nhiên, tại buổi đối chất, phía bị đơn có thái độ không hợp tác, không trình bày những nội dung mâu thuẫn cần làm rõ và bỏ về trong quá trình Tòa lập biên bản. Bị đơn có nộp bản photo giấy viết tay ngày 23/11/2023 và cho rằng do nguyên đơn viết xác nhận số tiền vay thực là 100.000.000 đồng. Nguyên đơn không thừa nhận là chữ ký, chữ viết của mình và có đơn yêu cầu giám định. Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc yêu cầu bị đơn cung cấp bản chính giấy viết tay này để thực hiện việc giám định. Bị đơn trực tiếp ký nhận nhưng không cung cấp và không có yêu cầu gì đối với tài liệu, chứng cứ mình cung cấp. Điều này thể hiện bị đơn trình bày ý kiến và đưa ra những chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn nhưng lại không thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định để chứng minh cho sự phản đối của mình là có căn cứ nên bị đơn phải gánh chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập được theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 4.000.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 2 Hợp đồng đồng vay tiền ngày 08/11/2023 và ngày 23/11/2023 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.2] Đối với các khoản tiền lãi bị đơn đã đóng: Theo 02 hợp đồng vay tiền đều có thỏa thuận lãi suất 0,75%/tháng tính trên số tiền một lần vay

2.000.000.000 đồng . Như vậy khoản tiền lãi nguyên đơn đã nhận 7.500.000 đồng của hợp đồng vay lần 1 không vượt quá mức lãi suất thỏa thuận. Bị đơn có trình bày số tiền lãi đã đóng và không có chứng cứ, không có yêu cầu Tòa xem xét, nguyên đơn không có yêu cầu các khoản lãi phát sinh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán khoản vay nên Hội đồng xét xử chỉ buộc bị đơn có trách nhiệm trả khoản vay này.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và đúng nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 278; Điều 280; khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Liên Tân T

1.1. Buộc bà Lương Thị Thu H có trách nhiệm trả cho ông L Tân Tiến số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) để chấm dứt quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng vay tiền có số công chứng00011512,quyển số 01/2023.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/11/2023 và hợp đồng vay tiền có số công chứng 00011962, quyển số 01/2023.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2023 cùng tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương Thị Thu H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng)

H2 lại cho ông L Tân Tiến tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng) theo biên lai số 0001251 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sư ./.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo